ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1814/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 30 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2021; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 245/TTr-SNV ngày 26 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ ;
- Vụ CCHC-BNV ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Bắc Kạn;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Bắc Kạn;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCPC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Nguyễn Đăng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 *(viết tắt là Nghị quyết số 76/NQ-CP)* và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 *(viết tắt là Nghị quyết số 08-NQ/TU)*, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện với các nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU đề ra.

2. Yêu cầu

Xác định cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU. Quán triệt sâu rộng đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị để nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU đối với sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng ở địa phương.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, người đứng đầu các đơn vị, địa phương chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU một cách đồng bộ, toàn diện có trọng tâm, trọng điểm với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có hiệu quả đối với các mục tiêu Nghị quyết đề ra.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các mục tiêu chủ yếu

1.1. Về cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với quy định của pháp

luật và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của địa phương về nền hành chính nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển. Nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung ưu tiên hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tạo bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

c) Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật tại tỉnh Bắc Kạn.

d) Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

e) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

1.2. Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt 90% trở lên. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt 85% trở lên; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

b) Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

c) Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

1.3. Về cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp đảm bảo theo đúng quy định.

b) Tiếp tục rà soát sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

c) Giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

1.4. Về cải cách chế độ công vụ

a) 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm.

b) 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; phấn đấu từ 80% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên.

1.5. Về cải cách tài chính công

a) 100% cơ quan hành chính từ tỉnh tới cơ sở, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.

b) Triển khai quy định về đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

c) Đến năm 2025, có tối thiểu 8% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

1.6. Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số

a) 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

b) 80% cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến.

c) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)*.

d) Hệ thống thông tin nền tảng phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn được nâng cấp, mở rộng được kết nối, chia sẻ trong tỉnh và trên toàn quốc. Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

e) 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử; 60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

f) Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

g) 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 80% TTHC của tỉnh thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ giải quyết đạt từ 50% trở lên.

h) 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

i) Hoàn thiện và vận hành ổn định Phân hệ theo dõi nhiệm vụ do UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực cho 100% các sở, ngành, địa phương.

1.7. Về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Cải thiện mạnh mẽ các chỉ số thành phần của chỉ số PCI, nâng dần vị trí xếp hạng PCI của tỉnh trung bình mỗi năm tăng ít nhất 01 bậc trên bảng xếp hạng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), hướng tới nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành khá của cả nước.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU trong phạm vi quản lý của mình, trong đó phải xác định CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực

và phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU. Có cơ chế phối hợp, thống nhất, phân công trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp triển khai các nội dung để bảo đảm Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

c) Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU để kịp thời khắc phục những khó khăn, hạn chế trong thực hiện.

d) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến quán triệt để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đồng thuận trong thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP và Nghị quyết số 08-NQ/TU.

e) Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC hằng năm của các cơ quan hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá.

f) Tìm sáng kiến, giải pháp thiết thực hiệu quả trong chỉ đạo, thực hiện nâng cao công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

g) Khen, thưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; kiểm điểm, phê bình cơ quan, đơn vị thiếu trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

h) Tổ chức họp Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh định kỳ quý, 6 tháng và năm.

2.2. Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các lĩnh vực CCHC, trong đó trọng tâm là cải cách TTHC, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng chính quyền điện tử

a) Cải cách thể chế

- Xây dựng hệ thống văn bản QPPL bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi. Chủ động ban hành các cơ chế chính sách, biện pháp nhằm thu hút đầu tư, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tuân thủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng văn bản QPPL bảo đảm tiến độ và thời

gian quy định. Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản QPPL, đặc biệt là những nội dung thuộc phạm vi quản lý.

- Tiến hành rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của ngành, lĩnh vực theo hướng tăng cường phân công, phân cấp gắn với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Hằng năm, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh, trên cơ sở lựa chọn lĩnh vực pháp luật theo dõi gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để thu hút đầu tư, giảm chi phí tuân thủ pháp luật. Trên cơ sở kế hoạch được ban hành, thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, đảm bảo toàn diện, đồng bộ và hiệu quả.

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản, theo dõi tình hình thi hành pháp luật và pháp chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Cải cách thủ tục hành chính

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của địa phương.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC để kiến nghị loại bỏ các TTHC còn rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; kiến nghị loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý và cắt giảm các mẫu đơn, tờ khai có nội dung thông tin trùng lặp, các yêu cầu điều kiện có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh để cải thiện môi trường kinh doanh; cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục để rút ngắn thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Đẩy mạnh việc số hóa kết quả giải quyết TTHC, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, trả kết quả giải quyết bản điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian đi

lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; chuyển đổi tư duy, nhận thức trên cơ sở chấp nhận dữ liệu số, sử dụng lại dữ liệu số nhằm nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; đẩy mạnh thanh toán trực tuyến; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC; quán triệt đến công chức, viên chức về tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác kiểm soát TTHC đối với đội ngũ công chức làm công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Tiếp tục rà soát sắp xếp các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Tiếp tục kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

- Rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể theo từng ngành, lĩnh vực, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

- Phát huy dân chủ quyền giám sát của nhân dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của bộ máy hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Tập trung đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường trên địa bàn tỉnh. Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ đội ngũ công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo để phát triển hệ thống trường học, cải thiện cơ sở vật chất các trường trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Đầu tư nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện để phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ y, bác sĩ các cấp thuộc tỉnh. Nâng cao chất lượng các Trạm y tế tuyến xã, bệnh viện tuyến huyện để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân; bảo đảm cho mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí thấp, hiệu quả, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho nhân dân.

d) Cải cách chế độ công vụ

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Tiếp tục thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh trong công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; có cơ chế loại bỏ, tinh giản biên chế những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

- Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, trọng tâm là việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương. Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Triển khai các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 194/KH-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện chiến lược thu hút trọng dụng người tài giai đoạn 2021-2030.

e) Cải cách tài chính công

- Thực hiện tốt các quy định về đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra; các quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng; các quy định đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ. Ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh nhất là các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Triển khai thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo lộ trình và quy định của Trung ương.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - ổn định xã hội; tiếp tục đầu tư các công trình trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phòng chống tham nhũng, lãng phí trong sử dụng kinh phí của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và dự án đầu tư công.

g) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị của Tỉnh ủy về Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng đề án và hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số và các quy chế, quy định liên quan.

- Phát triển hạ tầng số bao gồm hạ tầng mạng và nền tảng điện toán đám mây của tỉnh, kết nối đến nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ. Nâng cấp, hoàn thiện, tái cấu trúc nhằm tối ưu hóa hoạt động của trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Phát triển các nền tảng số và hệ thống thông tin có phạm vi ứng dụng trong toàn tỉnh, theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán: Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin bên ngoài.

- Phát triển dữ liệu số các ngành tạo nền tảng cho Chính phủ điện tử; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; mở dữ liệu và cung cấp các bộ dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu số, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. Nâng câp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiêm vụ. Xây dựng hệ thống quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của tỉnh.

- Tiếp nhận Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp. Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; xây dựng và triển khai nền tảng họp trực tuyến, nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số; làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước. Đưa vào sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Triển khai nền tảng quản lý dữ liệu của công dân, tổ chức trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước nhằm giúp công dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ của hệ thống Chính quyền số của tỉnh. Nâng cao kỹ năng số cho người dân. Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin hiện có, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng, đảm bảo tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ theo hướng hiện đại, áp dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AL), điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain). Trong đó, tập trung việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Xây dựng Cổng dữ liệu của tỉnh làm đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo mô hình bốn lớp. Quản lý, vận hành hiệu quả trung tâm điều hành an ninh của tỉnh (Intelligent Operation Center - IOC). Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (Security Operation Center - SOC) của tỉnh. Tiếp tục nâng cao kỹ năng, nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức. Duy trì, tổ chức tốt hoạt động của đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh và thực hiện việc hỗ trợ, điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Kiểm tra, đánh giá, giám sát an toàn thông tin đối với các thiết bị, hệ thống thông tin, quy trình xử lý trong hệ thống chính quyền điện tử tỉnh.

- Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

- Hoàn thiện Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, hệ thống phần mềm quản lý CSDL theo dõi của Trung ương.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Từng bước phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như ô nhiễm môi trường, phát triển y tế, phát triển giáo dục, phát triển du lịch, tắc nghẽn giao thông, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Bố trí công chức, viên chức có trình độ chuyên môn công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số.

- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, hướng tới xây dựng hệ thống ISO 9001:2015 điện tử tại các cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính.

2.3. Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp và người dân.

a) Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Khắc phục chồng chéo giữa các quy hoạch ngành, lĩnh vực gây khó khăn cho công tác thu hút đầu tư.

b) Khắc phục các chỉ số còn thấp điểm của giai đoạn 2016 - 2020 gồm: "Tiếp cận đất đai", "Chi phí thời gian", "Chi phí không chính thức", "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp"; tiếp tục duy trì, cải thiện các chỉ số thành phần có điểm số tích cực.

c) Thực hiện tốt các chính sách tín dụng ngân hàng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn; nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp quy mô nhỏ để nâng cao kiến thức về quản trị doanh nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật. Tạo sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực tài chính của nhà nước.

d) Đẩy mạnh công tác đấu thầu qua mạng tạo môi trường cạnh tranh, công bằng, minh bạch và tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm thiểu TTHC, đẩy lùi tiêu cực. Tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ để kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả cải cách TTHC; đẩy mạnh giải quyết TTHC trực tuyến mức

độ 4 nhằm giảm thiểu việc tiếp xúc giữa cơ quan giải quyết TTHC với doanh nghiệp. Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp; triển khai bộ dữ liệu mở của tỉnh, bảo đảm nguồn thông tin, dữ liệu chính xác, minh bạch, giá trị phục vụ hoạt động quản lý, kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Giao các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc cải thiện các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối theo dõi, cải thiện các chỉ số "Gia nhập thị trường", "Cạnh tranh bình đẳng" và "Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp".

- Sở Tài nguyên và môi trường là đầu mối theo dõi, cải thiện chỉ số "Tiếp cận đất đai".

- Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối theo dõi, cải thiện chỉ số "Tính minh bạch".

- Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối theo dõi, cải thiện các chỉ số "Chi phí thời gian" và "Tính năng động".

- Sở Nội vụ là đầu mối theo dõi, cải thiện chỉ số "Chi phí không chính thức".

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là đầu mối theo dõi, cải thiện chỉ số "Đào tạo lao động".

- Sở Tư pháp là đầu mối theo dõi, cải thiện chỉ số "Thiết chế pháp lý".

Các sở được phân công làm đầu mối tổ chức thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần; hướng dẫn các sở, ngành, địa phương để có cách hiểu đúng, thống nhất về các chỉ số thành phần; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các cơ quan phối hợp; kịp thời đề xuất, báo cáo UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn về các giải pháp, nhiệm vụ phát sinh để cải thiện các chỉ số được phân công.

2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thông thuận lợi với các địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư.

a) Tập trung đề xuất với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải đầu tư hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là khai thác du lịch Hồ Ba Bể.

b) Tăng cường thu hút đầu tư, huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, ưu tiên nguồn lực để tạo mặt bằng sạch thu hút đầu tư. Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

c) Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh; xử lý, thu hồi các dự án không triển khai, không có khả năng thực hiện, để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư.

2.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, chú trọng công tác quảng bá môi trường đầu tư kinh doanh và phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

a) Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trên địa bàn tỉnh trong hoạt động xúc tiến đầu tư, đảm bảo thống nhất, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn các thủ tục pháp lý liên quan trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

b) Tăng cường kết nối với các cơ quan ngoại giao, hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp lớn trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng để mời gọi đầu tư vào tỉnh. Thường xuyên tổ chức các hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, chủ động giải quyết các kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó đặc biệt chú trọng hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh duy trì và phát triển ổn định. Tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp.

c) Phát huy vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp trong việc tham gia đóng góp vào các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

2.6. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động CCHC, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của từng đơn vị.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh tại các đơn vị, địa phương. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, trọng tâm là việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và giải quyết TTHC. Nâng cao chất lượng và công khai chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm để tránh trùng lắp, chồng chéo. Thực hiện khảo sát đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC của các sở, ngành tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm. Hằng năm tổ chức có hiệu quả việc khảo sát chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và các sở, ban, ngành của tỉnh (DDCI).

2.7. Đảm bảo nguồn lực về con người, kinh phí để thực hiện CCHC, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh

a) Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực làm công tác tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ

năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Bố trí kinh phí theo khả năng cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước để xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

1.1. Căn cứ Chương trình hành động, ban hành kế hoạch cụ thể của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện. Trong đó, yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc xác định theo lộ trình và có phân công cụ thể, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ thời gian quy định. Kế hoạch của cơ quan, đơn vị ban hành chậm nhất ngày 20 tháng 11 năm 2021 và gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư) để theo dõi, chỉ đạo trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.2. Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình. Lập dự toán kinh phí để thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ CCHC 5 năm, hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình này.

1.4. Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư) tình hình thực hiện Chương trình.

2. Sở Nội vụ: Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

2.1. Chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp về công tác chỉ đạo, điều hành.

2.2. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ.

2.3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị. Đánh giá, xác định chỉ số CCHC hằng năm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

2.4. Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định. Tổng hợp báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất.

2.5. Cuối giai đoạn tham mưu UBND tỉnh khen, thưởng tập thể, cá nhân thực hiện CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có hiệu quả; kiểm điểm, phê bình cơ quan, đơn vị thực hiện CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hiệu quả thấp.

3. Sở Tư pháp: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thể chế.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về cải cách TTHC.

5. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về cải cách tài chính công; nội dung phân cấp về quản lý ngân sách nhà nước.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số; nội dung phân cấp về lĩnh vực phát thanh và truyền hình theo Nghị quyết số số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về nội dung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; nội dung phân cấp về hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về nội dung nâng cao chất lượng giáo dục.

9. Sở Y tế: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về nội dung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

10.1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung:

a) Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp và người dân.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thông thuận lợi với các địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, chú trọng công tác quảng bá môi trường đầu tư kinh doanh và phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

10.2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt các quy định phân cấp về đầu tư công.

11. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Lao động, thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả phân cấp về lĩnh vực thuộc chuyên môn của đơn vị theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 và Nghị quyết số số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn; Báo Bắc Kạn; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố: Phát và đăng tải nội dung Chương trình và thường xuyên thông tin, tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình này.

13. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Kạn: Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại thực hiện tốt các chính sách tín dụng ngân hàng; tiếp tục cải cách quy trình, thủ tục để người dân, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ và thực hiện các thủ tục vay vốn đơn giản, thuận tiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin khi giải quyết thủ tục cho người dân, doanh nghiệp.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh) xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung	Hoạt động/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	**Công tác chỉ đạo, điều hành**				
1.1	Hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2021
1.2	Xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.	Quyết định/ kế hoạch		Các sở, ban, ngành liên quan	Hằng năm
1.3	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2021-2025; kế hoạch tuyên truyền CCHC hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện.				Kế hoạch giai đoạn trong năm 2021; kế hoạch năm hằng năm
1.4	Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị.				Hằng năm
1.5	Hướng dẫn xây dựng báo cáo CCHC định kỳ.	Văn bản hướng dẫn		Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ	Năm 2021

1.6	Tiếp tục thực hiện đánh giá chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.	Quyết định		Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Hằng năm
1.7	Tiếp tục gắn công tác CCHC với thi đua khen thưởng đối với tập thể và người đứng đầu các cơ quan hành chính.	Quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	
1.8	Xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; hằng năm.	Quyết định/ kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch giai đoạn trong năm 2021; kế hoạch năm hằng năm
1.9	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và cấp huyện.	Quyết định			Năm 2021
2	**Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các lĩnh vực CCHC, trong đó trọng tâm là cải cách TTHC, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, xây dựng chính quyền điện tử**				
2.1	***Cải cách thể chế***				
2.1.1	Bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các cơ quan cấp trên và thực tiễn của địa phương chủ động tham mưu ban hành các cơ chế chính sách, biện pháp nhằm thu hút đầu tư, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	Quyết định	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Hằng năm
2.1.2	Tuân thủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng văn bản QPPL bảo đảm tiến độ và thời gian quy định. Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản QPPL, đặc biệt là những nội dung thuộc phạm vi quản lý.	Quyết định			

2.1.3	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của ngành, lĩnh vực theo hướng tăng cường phân công, phân cấp gắn với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu.	Kế hoạch	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Hằng năm
2.1.4	Căn cứ văn bản pháp luật của Trung ương và tình hình thực tiễn của tỉnh, tiến hành rà soát thường xuyên, kịp thời kiến nghị xử lý đối với những văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.	Kế hoạch			
2.1.5	Ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và tổ chức triển khai thực hiện.	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	
2.1.6	Tăng cường tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành để kịp thời kiến nghị xử lý đối với những văn bản trái pháp luật theo quy định.	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện	Hằng năm
2.1.7	Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.	Kế hoạch		Các sở, ban, ngành	
2.1.8	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở văn bản QPPL của trung ương.	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp	
2.1.9	Hoàn về thiện thể chế thu hút đầu tư, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực, nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển.	Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan	
2.1.10	Rà soát, ban hành, sửa đổi, bổ sung, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên.	Quyết định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
2.1.11	Rà soát, ban hành, sửa đổi, bổ sung, kiến nghị hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển khoa học và công nghệ.	Quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	

2.2	***Cải cách thủ tục hành chính***				
2.2.1	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC trong văn bản QPPL của tỉnh.	Quyết định	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Hằng năm
2.2.2	Tăng cường rà soát, đơn giản hóa TTHC nhằm kiến nghị loại bỏ các TTHC còn rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn cho người dân, tổ chức, đặc biệt cácTTHC về đất đai, xây dựng, phê duyệt chủ trương đầu tư.	Kế hoạch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
2.2.3	Kịp thời công bố, công khai TTHC bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.	Các hình thức công khai TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
2.2.4	Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.	Báo cáo			
2.2.5	Số hóa kết quả giải quyết TTHC tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.	Báo cáo kết quả thực hiện	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2021-2025
2.2.6	Đẩy mạnh chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, trả kết quả giải quyết bản điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.	Báo cáo	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Hằng năm
2.2.7	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.	Báo cáo	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận một cửa UBND cấp huyện và UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Hằng năm
2.2.8	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao năng lực, đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, trực tại bộ phận một cửa và giải quyết TTHC.	Kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	

2.3	***Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước***				
2.3.1	Rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.	Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Hằng năm
2.3.2	Tiếp tục rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.	Quyết định	Các sở, ban, gành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	
2.3.3	Tiếp tục thực hiện sáp nhập các đơn vị cấp xã, các thôn, tổ dân phố chưa đủ tiêu chuẩn theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
2.3.4	Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của UBND tỉnh đã phân cấp quản lý	Quyết định	Các Sở: Nội vụ;Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội…	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	
2.3.5	Đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước (SIPAS)	Quyết định/ kế hoạch	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Năm 2022 - 2025
2.3.6	Đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế và giáo dục công	Quyết định/ kế hoạch	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Năm 2022 - 2025

2.4	***Cải cách chế độ công vụ***				
2.4.1	Tiếp tục phê duyệt đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện rà soát, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ.	Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hằng năm
2.4.2	Tổ chức tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	Kế hoạch			
2.4.3	Tổ chức tuyển dụng viên chức.	Kế hoạch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	
2.4.4	Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức.	Quyết định UBND tỉnh		Sở Nội vụ	
2.4.5	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2025; kế hoạch hằng năm và triển khai thực hiện.	Quyết định/ kế hoạch	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	Kế hoạch giai đoạn trong năm 2021; kế hoạch năm hàng năm
2.4.6	Xây dựng Đề án đổi mới phong cách và lề lối làm việc của các cấp, các ngành và đội ngũ cán bộ, công chức viên chức trên địa bàn tỉnh.	Đề án		Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2021
2.5	***Cải cách tài chính công***				
2.5.1	Triển khai, cập nhật, hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.	Văn bản hướng dẫn	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện	Hằng năm
2.5.2	Hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công lập.	Văn bản hướng dẫn		Các sở, ban, ngành	Năm 2021
2.5.3	Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công lập có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.	Quyết định	Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính và cơ quan liên quan	Năm 2021 - 2022
2.5.4	Trình cấp có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công lập có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.	Quyết định			

2.5.5	Sửa đổi bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công lập có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.	Quyết định	Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính và cơ quan liên quan	Hằng năm
2.5.6	Trình cấp có thẩm quyền sửa đổi bổ sung giá dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.	Quyết định			
2.5.7	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.	Quyết định	Các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ		
2.5.8	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí tại các cơ quan nhà nước và dự án đầu tư công.	Quyết định/ kế hoạch	Sở Tài chính	Các ngành liên quan	
2.5.9	Thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện.	Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành UBND cấp huyện	
2.6	***Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số***				
2.6.1	Hoàn thiện các văn bản: Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng CNTT dựa trên kiến trúc CQĐT của Tỉnh Bắc Kạn; Quy chế đảm bảo an toàn thông tin; ...	Quy chế/quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021 - 2025
2.6.2	Thường xuyên phối hợp, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đơn giản hóa TTHC trên cơ sở ứng dụng dữ liệu số và rà soát, cung cấp thành DVCTT.	Danh sách TTHC đủ điều kiện thực hiện qua DVCTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021 - 2025
2.6.3	Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ CQĐT tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.	Dự án	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021 - 2024
2.6.4	Đề án xây dựng, hoàn thiện, quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu số tỉnh Bắc Kạn.	Đề án			Năm 2021 - 2025
2.6.5	Dự án xây dựng mới trụ sở Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	Dự án	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng	Năm 2022 - 2023

2.6.15	Xây dựng Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC).	Đề án	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2021 - 2025
2.6.16	Tiếp tục triển khai chứng thư số cho các cơ quan nhà nước.	Kế hoạch			
2.6.17	Triển khai giám sát, đánh giá ATTT định kỳ, đột xuất.	Kế hoạch			
2.6.18	Triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình	Đề án		Các doanh nghiệp viễn thông	
2.6.19	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.	Đề án			
2.6.20	Triển khai giải pháp tuyên truyền dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) nhằm tăng tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50% trở lên.	Kế hoạch			Năm 2021 - 2023
3	**Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp và người dân**				
3.1	Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh. Tham gia xây dựng các nội dung đề xuất tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo tính khả thi và thống nhất giữa các quy hoạch ngành, lĩnh vực.	Quyết định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2021
3.2	Tổ chức rà soát lại toàn bộ các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đến thực hiện các dự án đầu tư (đất đai, rừng, ...); tập trung khắc phục chồng chéo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo cơ chế quản lý linh hoạt, môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư.	Báo cáo			Hằng năm
3.3	Theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý triển khai đầy đủ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực tài chính của nhà nước đảm bảo bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.	Báo cáo			

3.4	Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo lộ trình quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Các cuộc đấu thầu	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hằng năm
3.5	Tăng cường tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra về đấu thầu, chú trọng công tác theo dõi việc khắc phục các tồn tại sau các cuộc thanh tra, kiểm tra, đảm bảo thực hiện nghiêm túc những nội dung kết luận thanh tra, kiểm tra.	Quyết đinh/ kế hoạch	Thanh tra tỉnh; Bộ phận thanh tra các ngành	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	
3.6	Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại thực hiện tốt các chính sách tín dụng ngân hàng; tiếp tục cải cách quy trình, thủ tục để người dân, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ và thực hiện các thủ tục vay vốn đơn giản, thuận tiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin khi giải quyết thủ tục cho người dân, doanh nghiệp.	Văn bản chỉ đạo; tổ chức thanh tra, kiểm tra	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	Các Ngân hàng Thương mại chi nhánh tỉnh Bắc Kạn	Hằng năm
3.7	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tổ chức rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh.	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các sở, ngành liên quan	
4	**Phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thông thuận lợi với các địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư**				
4.1	Đề xuất với Quốc hội, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải đầu tư tuyến đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn. Triển khai hoàn thành trong thời gian sớm nhất tuyến đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch Hồ Ba Bể.	Đề án/dự án	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2021 - 2022
4.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ít nhất 02 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.	Đề án/dự án của tỉnh	Sở Công thương		Năm 2021 - 2025

4.3	Tổ chức rà soát lại toàn bộ các dự án được cấp chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh, tổng hợp các dự án không triển khai, không có khả năng thực hiện đề xuất xử lý, thu hồi dự án theo quy định.	Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan	Hằng năm
4.4	Hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục về đầu tư.	Văn bản hướng dẫn		Sở Công thương	Hằng năm
4.5	Tiếp tục rà soát quỹ đất công trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp lại trụ sở của các cơ quan, đơn vị để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. Nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy tập trung, tích tụ đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.	Quyết định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng	Hằng năm
4.6	Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất	Quyết định/ kế hoạch		Sở Tài chính	
4.7	Tăng cường phối hợp tốt trong việc thực hiện GPMB; tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu chủ trương thu hồi đất của Nhà nước để thực hiện các dự án, ý nghĩa của việc thực hiện các dự án trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội để nhân dân hiểu, đồng tình, ủng hộ.	Báo cáo	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ...	
5	**Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp, chú trọng công tác quảng bá môi trường đầu tư kinh doanh và phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**				
5.1	Thực hiện tốt các nhiệm vụ xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnhvề ban hành Quy chế phối hợp thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.	Báo cáo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hằng năm

5.2	Tổ chức các cuộc hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, chủ động giải quyết các kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp.	Các cuộc đối thoại	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hằng năm
5.3	Khắc phục các bất cập do quy định chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường.	Báo cáo			
5.4	Tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa các cơ quan, lãnh đạo tỉnh với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng để mời gọi đầu tư vào tỉnh; tham dự các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch của vùng, trong nước và nước ngoài; tổ chức hội nghị gặp mặt, đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp	Các cuộc đối thoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hằng năm
5.5	Chỉ đạo Trung tâm xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp phối hợp tốt với các nhà đầu tư quan tâm nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư; tích cực xây dựng các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội đầu tư, địa điểm thực hiện dự án đầu tư, ...	Các dự án/ ấn phẩm, ...	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
5.6	Hàng năm tổ chức ít nhất 10 cuộc hội chợ thương mại, hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh trong điều kiện thuận lợi; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm, tham gia các hội trợ thương mại trong và ngoài tỉnh.	Kế hoạch	Sở Công thương	Các đơn vị liên quan	
5.7	Tích cực nghiên cứu, tham gia đóng góp vào chủ trương, chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp của tỉnh; thường xuyên tổng hợp các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh báo cáo UBND tỉnh kiến nghị sửa đổi, bổ sung.	Các văn bản kiến nghị của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	**Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động CCHC, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của từng đơn vị**				
6.1	Tổ chức khảo sát đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường đầu tư kinh doanh của cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh (DDCI).	Quyết định/ kế hoạch UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Hằng năm

6.2	Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng chương trình, kế hoạch thanh, kiểm tra hàng năm, xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra; công khai kế hoạch thanh, kiểm tra, danh sách các đối tượng bị thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.	Kế hoạch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hằng năm
6.3	Thực hiện khảo sát đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC của các sở, ngành tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Doanh nghiệp	Thường xuyên